TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **292**/2023/QĐST–HNGĐ	*Long Thành, ngày 09 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 746/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Thái Ngọc D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp B, xã, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: xã Đ, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Thái Ngọc D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2019 ngày 24 tháng 6 năm 2019. Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị L và anh D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung:* Chị L, anh D có 01 con chung tên Thái Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/01/2020. Ly hôn chị L, anh D thỏa thuận, chị L là người trực tiếp nuôi

dưỡng cháu H, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị L và anh D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Chị L và anh D mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 11 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

– *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Thái Ngọc D thuận tình ly hôn.

– *Về con chung*: Giao cháu Thái Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/01/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Anh D có quyền thăm nom con không ai được cản trở, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

– *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

– *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Chị Nguyễn Thị L, anh Thái Ngọc D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0002294 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị L và anh D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thành